TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01 -11-2019
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Như Ý**.

2. Ông **Trần Hoàng Việt**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Sa The** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Ông **Trần Văn Hướng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị Sóc K**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Lưu Văn H**, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-02-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Sóc K trình bày:

Vào năm 2013 bà Lâm Thị Sóc K và ông Lưu Văn H kết hôn nhưng chưa đăng ký. Nhưng đến năm 2014 tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trần Đề cấp giấy chứng nhận kết hôn số 120/2014, quyển số 01/2014 ngày 14/7/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng bà K ông H làm công ty để chăm lo cho cuộc sống.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã kéo dài nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Cuối năm 2015 thì ông H bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã T và sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống chung, vợ chồng bà K ông H có một người con chung tên Lưu Thị Bích T1, sinh ngày 16/8/2014. Hiện con chung đang do bà K trực tiếp nuôi dưỡng.

Vợ chồng bà K ông H không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay bà Lâm Thị Sóc K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Sóc K yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Văn H.

- Về quan hệ con chung: Bà Lâm Thị Sóc K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lưu Thị Bích T1, sinh ngày 16/8/2014 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Lưu Văn H phải cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Sóc K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung đối với ông H.

- Về nợ chung: Bà Lâm Thị Sóc K xác định giữa không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung đối với ông H.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Lâm Thị Sóc K đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2014 quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 14-7-2014;

+ Bản sao giấy khai sinh mang tên Lưu Thị Bích T1, sinh ngày 16/8/2014;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Lưu Văn H. Nhưng ông Lưu Văn H thường xuyên không có mặt tại nhà nên có ông Lưu Hòa T là cha ở cùng địa chỉ với ông H nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lâm Thị Sóc K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lưu Văn H; Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lưu Thị Bích T1, sinh ngày 16/8/2014 đến khi thành niên. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Lâm Thị Sóc K và ông Lưu Văn H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Sóc K cho vợ chồng bà K ông H ly hôn. Về con chung giao cho bà Lâm Thị Sóc K trực tiếp nuôi dưỡng và ông H không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung, nợ chung đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Lâm Thị Sóc K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 11-02-2019, bà Lâm Thị Sóc K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lưu Văn H có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Lưu Văn H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Lâm Thị Sóc K:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013 bà Lâm Thị Sóc K và ông Lưu Văn H kết hôn. Nhưng đến năm 2014 tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trần Đề cấp giấy chứng nhận kết hôn số 120/2014, quyển số 01/2014 ngày 14/7/2014. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị Sóc K và ông Lưu Văn H là hợp pháp.

[3.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng bà K ông H làm việc công ty để xây dựng cuộc sống gia đình đến cuối năm 2015 thì ông H đã bỏ về sống bên gia đình của cha mẹ ruột tại ấp T, xã T cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã kéo dài nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hội đồng xét xử thấy rằng: hôn nhân của bà K ông H mặc dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Khi có mâu thuẫn bà K ông H không tự giải quyết được, dẫn đến ly thân nhau. Thời gian ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên toà bà K khai không còn tình cảm với ông H và cương quyết xin ly hôn, ông H mặc dù chưa thể hiện ý kiến, nhưng thời gian ly thân cũng như quá trình Tòa án thu thập chứng cứ ông H bỏ mặc không đến Tòa án. Điều đó chứng tỏ tình cảm của ông H đối với bà K cũng không còn. Do đó cuộc sống chung của bà K ông H không thể tiếp tục do không hàn gắn được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Sóc K cho bà K được ly hôn với ông Lưu Văn H.

[3.3] Về con chung: Theo bản sao giấy khai sinh và lời trình bày của bà Lâm Thị Sóc K xác định vợ chồng bà K ông H có một người con chung tên Lưu Thị Bích T1, sinh ngày 16/8/2014. Nên có cơ sở xác định vợ chồng bà K ông H có một người con chung tên Lưu Thị Bích T1, sinh ngày 16/8/2014. Bà Lâm Thị Sóc K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lưu Thị Bích T1, sinh ngày 16/8/2014 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Lưu Văn H phải cấp dưỡng cho con chung. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy rằng ông H từ khi thụ lý vụ án đến nay chưa thể hiện ý kiến. Hiện nay cháu Lưu Thị Bích T1 chưa được 07 tuổi, lúc cha mẹ ly thân nhau cho đến nay, cháu Thảo chung sống với mẹ đã ổn định. Ông H từ lúc vợ chồng ly thân nhau cho đến nay ông không tới lui chăm sóc con, điều đó chứng tỏ ông không quan tâm đến việc nuôi dưỡng cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K giao cháu Lưu Thị Bích T1 cho bà Lâm Thị Sóc K được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

[3.4] Về cấp dưỡng: Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng do ông H là người không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở. Do bà Lâm Thị Sóc K xác định không yêu cầu ông Lưu Văn H phải cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nhưng ông H có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Sóc K xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Lâm Thị Sóc K xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Lâm Thị Sóc K chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Lưu Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Lâm Thị Sóc K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Lưu Văn H có quyền kháng cáo bản này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Sóc K.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Sóc K được ly hôn với ông Lưu Văn H. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị Sóc K ông Lưu Văn H theo giấy chứng nhận kết hôn số 120/2014, do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 14-7-2014 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lưu Thị Bích T1, sinh ngày 16/8/2014 (hiện nay Lưu Thị Bích T1 đang sống chung với bà Lâm Thị Sóc K) cho bà Lâm Thị Sóc K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông Lưu Văn H không phải cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Lưu Văn H mà không ai được cản trở. Ông Lưu Văn H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Lâm Thị Sóc K.

3/ Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Sóc K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Lâm Thị Sóc K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Sóc K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002990, ngày 26-3-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (bà K đã thực hiện xong). Ông Lưu Văn H không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Bà Lâm Thị Sóc K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Lưu Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc